

Dự thảo 30/07/2023_V2_sau Hội thảo BXD



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH**

*National technical regulation on
Fire Safety of Buildings and Constructions*

HÀ NỘI – 2023

Lời nói đầu

Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 06:2022/BXD.

Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD do Viện Khoa học Công nghệ xây dựng, Cục Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Bộ Công an, Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an Hà Nội phối hợp biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và môi trường trình duyệt, Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số /2023/TT-BXD ngày tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH

National technical regulation on Fire Safety of Buildings and Constructions

1. QUY ĐỊNH CHUNG

Sửa đổi Khoản 1.1.2 như sau:

“1.1.2. Quy chuẩn này áp dụng đối với các nhà sau (không bao gồm các nhà, công trình đã loại trừ trong 1.1.5):

a) Nhà ở chung cư và nhà ở tập thể có chiều cao PCCC đến 150 m và không quá 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ với chiều cao phòng cháy chữa cháy từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m² trở lên, hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ kết hợp các mục đích sử dụng khác với chiều cao phòng cháy chữa cháy từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m² trở lên hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm; nhà ở riêng lẻ chuyển đổi sang mục đích khác với chiều cao phòng cháy chữa cháy từ 25 m trở lên hoặc tổng diện tích sàn từ 5000 m² trở lên hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm;

b) Các nhà công cộng, bao gồm cả nhà hỗn hợp, có chiều cao PCCC đến 150 m và không quá 3 tầng hầm (trừ các công trình trực tiếp sử dụng làm nơi thờ cúng, tín ngưỡng; các công trình di tích; các nhà đã liệt kê trong mục a), điều 1.1.2); khán đài của các loại sân thể thao ngoài trời (sân vận động, sân tập luyện, thi đấu thể thao và tương tự);

c) Các nhà sản xuất, nhà kho có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;

d) Các nhà cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;

CHÚ THÍCH: Phân loại công trình theo quy định pháp luật liên quan. Các công trình cụ thể nêu tại 1.1.2 xem Bảng 6.

Trong trường hợp cần thiết, đối với các công trình không thuộc phạm vi áp dụng của quy chuẩn này, chủ đầu tư có thể đề xuất áp dụng quy chuẩn này và được sự chấp thuận của cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có thẩm quyền.”

Sửa đổi Khoản 1.1.4 như sau:

“1.1.4 Quy chuẩn này áp dụng khi xây dựng mới các nhà thuộc phạm vi điều chỉnh của quy chuẩn này; hoặc chỉ áp dụng đối với các bộ phận, khu vực trực tiếp được cải tạo sửa chữa, trong các trường hợp sau:

- a) Cải tạo, sửa chữa thay đổi công năng của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà dẫn đến nâng cao các yêu cầu an toàn cháy đối với gian phòng, khoang cháy và nhà;
- b) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi các giải pháp thoát nạn của gian phòng, khoang cháy hoặc nhà theo hướng làm giảm số lượng lối thoát nạn tối thiểu theo yêu cầu của quy chuẩn, hoặc làm giảm kích thước lối, đường thoát nạn, thang thoát nạn đến dưới mức tối thiểu theo yêu cầu của quy chuẩn;

- c) Cải tạo, sửa chữa làm tăng tính nguy hiểm cháy của vật liệu xây dựng, hoặc làm giảm giới hạn chịu lửa của kết cấu, cấu kiện;
- d) Cải tạo, sửa chữa làm thay đổi hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng, khoang cháy và nhà theo hướng tăng tính nguy hiểm cháy và cháy nổ;
- e) Cải tạo, sửa chữa tăng quy mô dẫn đến nâng cao các yêu cầu an toàn cháy đối với gian phòng, khoang cháy và nhà.

Riêng trường hợp cải tạo sửa chữa nâng tầng nhà phải áp dụng quy chuẩn này cho toàn bộ nhà.

Trong trường hợp nhà hoặc một phần nhà được cải tạo sửa chữa không thể đáp ứng quy định này thì áp dụng theo 1.1.10.”

Sửa đổi Khoản 1.1.5 như sau:

“1.1.5 Quy chuẩn này không áp dụng cho các nhà có công năng đặc biệt (các nhà và công trình thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính của các cơ sở năng lượng: nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện nguyên tử; điện gió, điện mặt trời, điện địa nhiệt, điện thủy triều, điện rác, điện sinh khối; điện khí biogas; điện đồng phát; nhà sản xuất hoặc bảo quản các chất và vật liệu nổ; các kho chứa dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt tự nhiên, các loại khí dễ cháy, cũng như các chất tự cháy; cửa hàng kinh doanh xăng dầu, chất lỏng dễ cháy, khí đốt; nhà sản xuất hoặc kho hóa chất độc hại; công trình quốc phòng, an ninh; tháp kiểm soát không lưu; công trình tàu điện ngầm (gồm cả nhà ga); công trình hầm mỏ; và các nhà có đặc điểm tương tự); các nhà phục vụ giao thông vận tải; các nhà phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn.”

Sửa đổi Khoản 1.1.7 như sau:

“1.1.7 Cho phép sử dụng các tài liệu chuẩn của nước ngoài một cách đồng bộ trên cơ sở bảo đảm yêu cầu nguyên tắc tại 1.5 của quy chuẩn này và các quy định pháp luật của Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy cùng các quy định về áp dụng tiêu chuẩn của nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam.”

Sửa đổi Khoản 1.1.10 như sau:

“1.1.10 Trong một số trường hợp riêng biệt, có thể xem xét thay thế một số yêu cầu của quy chuẩn này đối với công trình cụ thể khi có luận chứng kỹ thuật (tính toán, thiết kế theo công năng) nêu rõ các giải pháp bổ sung, thay thế và cơ sở của những giải pháp này để bảo đảm an toàn cháy cho công trình. Luận chứng này phải được cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH có thẩm quyền thẩm duyệt theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy.”

Bổ sung Khoản 1.1.11 như sau:

“1.1.11 Để phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng địa phương, các địa phương được ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương áp dụng trên địa bàn (QCĐP) để thay thế, sửa đổi hoặc bổ sung các quy định tại các phần 3, 4, 5, 6 và các phụ lục của quy chuẩn này, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật liên quan về QCĐP và thẩm quyền quản lý về PCCC theo phân cấp.”

Sửa đổi Điều 1.3 như sau:

“1.3 Tài liệu viện dẫn

TCVN 3890, *Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí.*

TCVN 5738, *Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống báo cháy tự động – Yêu cầu kỹ thuật.*

TCVN 7336, Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt – Yêu cầu thiết kế và lắp đặt.

TCVN 9311-1, Thử nghiệm chịu lửa – Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 1: Yêu cầu chung.

TCVN 9311-3, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 3: Chỉ dẫn về phương pháp thử và áp dụng số liệu thử nghiệm.

TCVN 9311-4, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 4: Yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng chịu tải.

TCVN 9311-5, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 5: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách nằm ngang chịu tải.

TCVN 9311-6, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 6: Các yêu cầu riêng đối với dầm.

TCVN 9311-7, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 7: Các yêu cầu riêng đối với cột.

TCVN 9311-8, Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng – Phần 8: Các yêu cầu riêng đối với bộ phận ngăn cách đứng không chịu tải.

TCVN 9383, Thử nghiệm khả năng chịu lửa – Cửa đi và cửa chắn ngăn cháy.

TCVN 12695, Thử nghiệm phản ứng với lửa cho các sản phẩm xây dựng – Phương pháp thử tính không cháy.

TCVN 13456, Phòng cháy chữa cháy – Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn – Yêu cầu thiết kế, lắp đặt.”

Sửa đổi, bổ sung các Khoản 1.4.11, 1.4.21a, 1.4.23, 1.4.26, 1.4.32a, 1.4.41, 1.4.41a, 1.4.49a, 1.4.53, 1.4.62a, 1.4.68a như sau:

“1.4.11

Cửa nắp thu khói (cửa trời hoặc cửa chớp)

Cấu kiện (mở khi có cháy) che các lỗ mở trên kết cấu bao che gian phòng được bảo vệ bằng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên.”

“1.4.21a

Gian phòng chung

Là các gian phòng có công năng xác định, để phục vụ một nhóm người tập trung thực hiện một sự kiện nào đó (ví dụ hội họp, hội thảo, trình diễn, thể thao ...) trong một khoảng thời gian hữu hạn. Nhóm người tập trung này có đặc điểm chung là không quen thuộc với địa điểm tập trung (không thường xuyên hoặc không định kỳ có mặt). Các văn phòng, gian phòng sản xuất, các gian phòng khác sử dụng chủ yếu cho người trong nội bộ tòa nhà không được coi là các gian phòng chung.

“1.4.23

Hành lang bên

Hành lang mà ở một phía có thông gió với bên ngoài qua các lỗ mở thông với không khí bên ngoài khi có cháy, với chiều cao thông thủy tính từ đỉnh cửa tường chắn ở mép hành lang lên phía trên không nhỏ hơn 1,2 m.

CHÚ THÍCH: Kích thước các lỗ mở trên tường ngoài của hành lang bên đảm bảo một trong các yêu cầu sau:

- Khi hành lang bên được ngăn cách với các gian phòng liền kề bằng các bộ phận ngăn cháy theo quy định của quy chuẩn thì tổng diện tích các lỗ mở không được nhỏ hơn 15 % diện tích sàn của hành lang bên và khoảng cách từ một điểm bất kỳ trên hành lang bên đến mép gần nhất của lỗ mở bất kỳ không được lớn hơn 9 m.

- Khi hành lang bên không được ngăn cách với các gian phòng liền kề bằng các bộ phận ngăn cháy thì tổng diện tích các lỗ mở không được nhỏ hơn 50 % diện tích sàn của hành lang bên và khoảng cách từ một điểm bất kỳ trên hành lang bên đến mép gần nhất của lỗ mở bất kỳ không được lớn hơn 9 m.”

“1.4.26**Hệ thống hút xả khói**

Hệ thống được điều khiển tự động từ xa hoặc luôn sẵn sàng hoạt động khi có cháy, có tác dụng xả khói và các sản phẩm cháy qua cửa thu khói ra ngoài trời.”

“1.4.32a**Lối ra ngoài trực tiếp**

Là cửa hoặc lối đi qua các vùng an toàn trong nhà (cùng tầng với lối ra ngoài trực tiếp) để dẫn ra ngoài nhà (ra khỏi các tường bao che của nhà) đến khu vực thoáng mà con người có thể di tản an toàn.”

“1.4.41**Nhà hỗn hợp**

Nhà (hoặc phần nhà) có nhiều công năng sử dụng khác nhau (ví dụ: một nhà được thiết kế sử dụng làm văn phòng, dịch vụ thương mại, hoạt động công cộng và có thể có các phòng ở).”

“1.4.49a**Sảnh thông tầng**

Phần nhà công cộng dạng không gian nối thông từ hai tầng trở lên, không gian này tiếp giáp với các phần nhà (hành lang, gian phòng, ...) tại mỗi tầng được nối thông.”

“1.4.53**Tài liệu chuẩn**

Bao gồm các tài liệu như các tiêu chuẩn (standard), quy định kỹ thuật (technical specifications), quy phạm thực hành (code of practice), quy chuẩn kỹ thuật (technical regulation) và hướng dẫn kỹ thuật (guidelines, handbook) trong và ngoài nước được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.”

“1.4.62a**Thiết kế theo công năng (phân tích tính nguy hiểm cháy)**

Phương pháp thiết kế sử dụng kỹ thuật an toàn cháy (fire engineering) và/hoặc các giải pháp an toàn cháy để thiết kế nhà hoặc các bộ phận của nhà căn cứ trên các đặc điểm, thông số kỹ thuật cụ thể của chúng, nhằm đáp ứng các nguyên tắc nêu tại 1.5.4 của quy chuẩn này và các tài liệu chuẩn về thiết kế an toàn cháy được áp dụng.”

“1.4.68a**Vật liệu hoàn thiện, trang trí**

Lớp hoàn thiện (có thể kết hợp mục đích trang trí), che phủ và được cố định trên bề mặt ngoài của các kết cấu/bộ phận bao che trong nhà.

CHÚ THÍCH: Vật liệu hoàn thiện, trang trí có thể là các lớp sơn, vôi, vữa, thạch cao, vật liệu dán tường ..., các tấm ốp hoàn thiện hoặc cách âm bằng gạch, gỗ, nhựa, mút xốp ... cố định trên bề mặt ngoài của tường, trần. Các đồ vật treo trên tường, trần chỉ nhằm mục đích trang trí nội thất (như tranh, ảnh, các đồ trang trí ...) không phải là vật liệu hoàn thiện, trang trí.”

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1.5.4 như sau:

“1.5.4 Khi sử dụng kỹ thuật an toàn cháy để thiết kế theo công năng (phân tích tính nguy hiểm cháy của nhà), cần xem xét các kịch bản cháy (các tình huống có thể xảy ra đám cháy) dựa trên tương quan giữa sự phát triển và lan truyền các yếu tố nguy hiểm của đám cháy, việc thoát nạn của người và tổ chức chữa cháy. Khi đó, nếu cơ quan cảnh sát PCCC&CNCH có thẩm quyền không có yêu cầu cụ thể về các điều kiện cần thiết cho lực lượng chữa cháy, và chủ công trình/cơ sở không có nhu cầu bảo vệ tài sản hoặc hạn chế thiệt hại về tài sản, thì thiết kế cần đảm bảo các điều kiện tối thiểu là: (1) con người trong nhà có thể thoát nạn an toàn trước khi bị nguy cơ đe dọa tính mạng và sức khỏe do tác động của các yếu tố nguy hiểm của đám cháy; (2) ngăn chặn cháy lan sang các nhà lân cận trong khoảng thời gian tương ứng với giới hạn chịu lửa của kết cấu chịu lực của nhà theo bậc chịu lửa của nhà.”

Bổ sung Khoản 1.5.5 như sau:

“1.5.5 Đối với nhà hỗn hợp dân dụng có từ hai nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau trở lên, và các phần nhà có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau này thỏa mãn các điều kiện sau: (1) được ngăn cách bởi các bộ phận ngăn cháy theo quy định của quy chuẩn này và các tài liệu chuẩn liên quan (nếu có); và (2) mỗi phần nhà có đường thoát nạn độc lập (có thể sử dụng chung thang thoát nạn và đường thoát nạn tại tầng 1 (hoặc tầng khác) từ thang thoát nạn dẫn ra ngoài nhà), thì mỗi phần nhà với công năng xác định phải tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy trong quy chuẩn này đối với công năng xác định đó.

Đối với nhà hỗn hợp dân dụng không thỏa mãn từ một điều kiện nêu trên, phải tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy an toàn nhất trong số các công năng của nhà hỗn hợp. Riêng các gian phòng nhóm F1.2, F1.3, F1.4; các gian phòng nhóm F5 trong các nhà hoặc phần nhà nhóm F1, F2, F3, F4; bếp nấu trong mọi nhóm công năng phải ngăn cách với các công năng khác của nhà theo 4.5.

Tại mỗi tầng nhà hỗn hợp, cho phép không ngăn chia các công năng phụ, và các gian phòng có công năng phụ tuân thủ các yêu cầu an toàn cháy của công năng chính tại tầng nhà đó. Phải ngăn cách các gian phòng, khu vực sau với các công năng khác của nhà theo 4.5: các gian phòng nhóm F1.2, F1.3, F1.4; các gian phòng nhóm F5 hạng A, B, C trong các nhà hoặc phần nhà nhóm F1, F2, F3, F4; bếp nấu trong mọi nhóm công năng.

CHÚ THÍCH 1: Công năng chính là công năng thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Chiếm trên 90% diện tích sàn của một tầng đang xét; hoặc
- Là mục đích sử dụng chính của tầng đang xét.

CHÚ THÍCH 2: Công năng phụ là công năng thỏa mãn một trong các điều kiện sau (trừ các công năng đã loại trừ ở trên):

- Phần nhà hoặc gian phòng với công năng phụ được thiết kế để tham gia vào quá trình vận hành công năng chính (ví dụ phòng trực, phòng điều khiển hệ thống...), hoặc để phục vụ người sử dụng công năng chính (ví dụ phòng ăn nội bộ, phòng họp nội bộ...), hoặc để đảm bảo việc khai thác sử dụng nhà với công năng chính tuân thủ các yêu cầu về an toàn cháy; hoặc
- Chiếm tối đa 10% diện tích sàn của tầng đang xét; hoặc
- Có số người sử dụng như sau: từ 3 người trở xuống (không tính người của cơ sở đó).”

2. PHÂN LOẠI KỸ THUẬT VỀ CHÁY

Sửa đổi, bổ sung Chú thích 2, Chú thích 6, Chú thích 7, Chú thích 8 của Bảng 4 như sau:

“CHÚ THÍCH 2: Không quy định giới hạn chịu lửa của các tấm lợp (kể cả tấm lợp có lớp cách nhiệt) và xà gồ đỡ tấm lợp (trừ các nhà, khoang cháy, gian phòng thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F3.1, F3.2, nhà sản xuất, nhà kho nhóm F5 và các nhà, gian phòng, khoang cháy khác thuộc hạng A, B, C) khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

– Mặt dưới xà gồ nằm cách sàn ngay dưới chúng một khoảng cách tối thiểu 6,1 m;

– Tấm lợp và xà gồ được làm từ các vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1).

Không quy định giới hạn chịu lửa của các tấm lợp (kể cả các tấm lợp có cách nhiệt) nếu chúng được làm từ vật liệu không cháy, hoặc cháy yếu (Ch1) và lan truyền yếu (LT2).”

“CHÚ THÍCH 6: Giới hạn chịu lửa của tường ngoài không chịu lực trong bảng 4 chỉ áp dụng đối với các mảng tường sử dụng làm đai ngăn cháy theo phương đứng hoặc phương ngang tại 4.32 và 4.33.”

“CHÚ THÍCH 7: Trong trường hợp áp dụng thiết kế theo công năng (mô phỏng đám cháy căn cứ trên các điều kiện cụ thể về tải trọng cháy trong gian phòng, phần nhà hoặc toàn nhà), cho phép xác định giới hạn chịu lửa của các bộ phận, cấu kiện quy định trong bảng 4 dựa trên nhiệt độ từ mô phỏng đám cháy. Các thông số của tải trọng cháy (khối lượng, phân bố, nhiệt lượng cháy thấp, tốc độ lan truyền lửa, mô hình lan truyền lửa, ...) được xác định căn cứ trên hồ sơ thiết kế và tài liệu chuẩn được áp dụng.”

“CHÚ THÍCH 8: Không quy định giới hạn chịu lửa của bản thang và chiếu thang trong buồng thang bộ được bảo vệ bởi các tường trong có giới hạn chịu lửa đáp ứng yêu cầu của bảng 4 tương ứng với bậc chịu lửa của nhà. Khi đó các bản thang và chiếu thang, cũng như vật liệu hoàn thiện bên trong buồng thang (nếu có) phải là vật liệu không cháy hoặc đảm bảo Ch1, BC1.”

3. ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO NGƯỜI

Sửa đổi, bổ sung Khoản 3.1.7 như sau:

“**3.1.7** Trong các nhà có từ 2 đến 3 tầng hầm, được phép bố trí phòng hút thuốc, các siêu thị và trung tâm thương mại, quán ăn, quán giải khát và các gian phòng công cộng khác nằm sâu hơn tầng hầm 1 khi thiết kế theo các tài liệu chuẩn được phép áp dụng, hoặc thiết kế theo công năng trên nguyên tắc nêu tại 1.5.4.

Đối với bệnh viện và trường phổ thông, chỉ cho phép bố trí các công năng khám bệnh không có điều trị nội trú (thay thế cho 3.1.6) và các công năng đào tạo từ tầng bán hầm hoặc tầng hầm 1 (trong trường hợp không có tầng bán hầm) trở lên. Tầng hầm 1 là tầng hầm trên cùng hoặc ngay sát tầng bán hầm.

Tại tất cả các sàn tầng hầm, ít nhất phải có 1 lối vào buồng thang bộ thoát nạn đi qua sảnh ngăn khói được ngăn cách với các không gian xung quanh bằng tường ngăn cháy loại 2. Các cửa đi phải là loại có cơ cấu tự đóng.”

Bổ sung khổ sau vào khoản 3.2.3:

“Trường hợp sử dụng cửa trượt hoặc cửa xếp thì phải có biển thông báo về loại cửa (cửa trượt hay cửa xếp) và chiều mở của cửa.”

Sửa đổi khoản 3.2.5, mục b như sau:

“b) Các gian phòng trong các tầng hầm và tầng nửa hầm có mặt đồng thời hơn 15 người;”

Sửa đổi khoản 3.2.6.2, mục a, d như sau:

“a) Từ mỗi tầng (hoặc từ một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.2, F2, F3, F4.2, F4.3 và F4.4, khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đối với nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m thì diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 300 m². Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 15 m đến 21 m (nhà nhóm F4.3 được đến 25 m) thì diện tích mỗi tầng đang xét không được lớn hơn 200 m²;
- Số người lớn nhất trên mỗi tầng không vượt quá 20 người;

SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD

- Các khu vực có công năng nêu trên được bảo vệ bằng chữa cháy tự động; Đối với nhà có chiều cao PCCC dưới 15 m và không có yêu cầu trang bị chữa cháy tự động theo TCVN 3890 thì có thể thay thế chữa cháy tự động bằng việc trang bị báo cháy tự động cho toàn nhà;
- Mỗi tầng có thêm một lối thoát nạn khẩn cấp (ra ban công, lô gia thoáng, qua cửa sổ ...) và được trang bị thiết bị hỗ trợ thoát nạn như thang kim loại, thang dây, dây tụt chậm, ..., hoặc có lối thoát nạn khẩn cấp khác (ví dụ dẫn sang nhà bên cạnh); hoặc thang bộ phải lên được sân thượng thoáng, cửa ra sân thượng phải mở được từ bên trong mà không cần chìa khóa;
- Đối với nhà (hoặc phần nhà) trên 3 tầng thuộc các nhóm F1.2, F2, F3: có trang bị cửa đi ngăn cháy loại 2 trên lối ra thoát nạn từ mỗi tầng đi vào buồng thang bộ thoát nạn hoặc ra cầu thang bộ loại 3;
- Đối với nhà (hoặc phần nhà) từ 3 tầng trở xuống thuộc các nhóm F1.2, F2, F3, F4.2, F4.3, F4.4: được sử dụng cầu thang bộ loại 2 thay thế cho buồng thang bộ nêu trên, khi đó thang loại 2 phải được ngăn cách với khu vực tầng hầm (nếu có) bằng vách ngăn cháy loại 2.
- Đối với nhà (phần nhà) trên 3 tầng thuộc nhóm F4.2, F4.3, F4.4: được sử dụng cầu thang bộ loại 2 liên thông với hành lang bên, hoặc cầu thang bộ loại 2 khi đảm bảo đồng thời các điều kiện sau: (1) Tầng một không được bố trí các chất dễ cháy, sinh khói nhiều như mút, da, nhựa, cao su, ..., hoặc nếu có bố trí thì phải đặt cách xa nguồn điện, ổ điện tối thiểu 1 m hoặc được ngăn cách với phần còn lại của tầng bằng vách ngăn cháy loại 2; không để xe; (2) hành lang thông với cầu thang bộ loại 2 tại mỗi tầng phải được ngăn cách với các gian phòng khác bằng vách ngăn cháy loại 2; (3) thang loại 2 phải được ngăn cách với khu vực tầng hầm (nếu có) bằng vách ngăn cháy loại 1; (4) các gian phòng có nhiều tải trọng cháy hoặc nguy cơ cháy cao như kho, bếp ăn ... phải bố trí trên tầng cao nhất hoặc nếu có bố trí tại các tầng dưới thì phải được ngăn cách với khu vực còn lại bằng vách ngăn cháy loại 1; (5) Cầu thang bộ loại 2 tại mỗi tầng phải có ô cửa thoát khói (mở được khi có cháy) với phần mở được có diện tích tối thiểu 0,4 m² và không thấp hơn 1,2 m tính từ mặt bậc thang thẳng bên dưới mép cửa hoặc từ mặt chiếu nghỉ, chiếu tới; hoặc tum thang phải có lối thoát khói, ví dụ mái che tum có khe hở cao tối thiểu 0,2 m; (6) Tổng diện tích các tầng được nối thông bởi cầu thang bộ loại 2 không vượt quá diện tích nhỏ nhất cho phép của một tầng trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với công năng của các tầng đang xét. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện trên thì thang thoát nạn phải là buồng thang bộ với cửa ngăn cháy loại 2, hoặc cầu thang bộ loại 3.

CHÚ THÍCH: Ban công thoáng hoặc sân thượng thoáng nghĩa là hở ra ngoài trời và bộ phận bao che (nếu có) phải bảo đảm cho việc thoát nạn, cứu nạn dễ dàng khi lực lượng chữa cháy tiếp cận.”

“d) Từ các tầng (hoặc một phần của tầng được ngăn cách khỏi các phần khác của tầng bằng các bộ phận ngăn cháy) thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, khi thỏa mãn các điều kiện như nhóm F2 tại a), hoặc thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Đối với cấp tiểu học và tương đương: Nhà có chiều cao PCCC không quá 9 m, diện tích tầng đang xét không quá 300 m²; Đối với các nhà còn lại thuộc nhóm F4.1: Nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m, diện tích tầng đang xét không quá 500 m²;
- Thang bộ phải lên được sân thượng thoáng với định mức tối thiểu 0,2 m²/người (tính trên số người tối đa có mặt trong nhà theo thiết kế), cửa ra sân thượng phải mở được từ bên trong mà không cần chìa khóa;
- Thỏa mãn yêu cầu đối với thang bộ thoát nạn như quy định tại 3.2.6.2, a) đối với các nhóm F4.2, F4.3, F4.4.”

Sửa đổi khoản 3.2.8 như sau:

Bổ sung vào cuối khổ 2 như sau: “Trong trường hợp đường thẳng nối giữa hai cạnh xa nhất của hai lối ra thoát nạn lớn hơn hoặc bằng 7 m thì khoảng cách giữa hai lối ra thoát nạn được đo theo đường thẳng này.”

Sửa đổi khổ 3, sau chữ “gian phòng” như sau: “, phần nhà hoặc tầng nhà trên (xem Hình I.4 d))”.

Bổ sung “hoặc hành lang bên” sau cụm từ “bằng một hành lang trong”.

Bãi bỏ khổ cuối của khoản 3.2.9.**Bãi bỏ câu thứ 2, khổ 1, khoản 3.2.11.****Sửa đổi, bổ sung khoản 3.3.5 như sau:**

- Bổ sung vào sau khổ 2:

“Không yêu cầu giới hạn chịu lửa của tường ngăn và các ô cửa giữa các gian phòng và hành lang bên (trừ các gian phòng nhóm F5 hoặc bếp).

Đối với các tầng nhà có hành lang, gian phòng không được bao che bằng các bộ phận ngăn cháy theo quy định tại 3.3.5 hoặc không tuân thủ yêu cầu tại 3.3.4 thì khoảng cách giới hạn cho phép của đường thoát nạn (phụ lục G) phải tính từ điểm xa nhất của gian phòng trên tầng nhà đó, và tầng nhà này phải được lắp đặt báo cháy tự động. Riêng các nhà kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường phải đảm bảo việc ngăn cách hành lang, gian phòng trên đường thoát nạn bằng các bộ phận ngăn cháy như quy định ở trên và vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn phải đảm bảo cấp CV0 hoặc CV1.

Khoảng cách thoát nạn giới hạn cho phép (phụ lục G) trên mỗi tầng được đo dọc theo tâm đường di chuyển tự nhiên của con người, bắt đầu từ tâm cửa các gian phòng hoặc từ chỗ xa nhất có người sinh hoạt, làm việc trong phòng (tùy thuộc vào việc có ngăn cách gian phòng và đường thoát nạn hay không) đến tâm của lối ra thoát nạn gần nhất của mỗi tầng (cửa ra ngoài nhà, cửa vào buồng thang bộ hoặc cửa ra cầu thang bộ loại 3, mép bậc đầu tiên của cầu thang bộ loại 2, cửa vào khoang cháy lân cận, hoặc đến lối ra thoát nạn khác).”

- Bổ sung vào khổ 3, sau cụm từ “vách ngăn cháy loại 2”:

“(hoặc bằng các vách ngăn khói, màn ngăn khói, có mép dưới cách sàn hành lang tối đa 2,5 m)”

Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất và thứ ba của khoản 3.4.1 như sau:

“- 1,2 m – đối với nhà nhóm F1.1 có tổng số người thoát nạn qua thang này lớn hơn 15 người trên mỗi tầng; 1 m – đối với nhà nhóm F1.1 có tổng số người thoát nạn qua thang này từ 15 người trở xuống trên mỗi tầng;”

“- 0,7 m – đối với cầu thang bộ dẫn đến các chỗ làm việc đơn lẻ, hoặc thang bộ trong các nhà có chiều cao PCCC không quá 15 m và tổng số người thoát nạn qua thang này từ mỗi tầng không quá 15 người;”

Bổ sung vào mục b, khoản 3.4.8 như sau:

“Nếu là buồng thang bộ thông thường thì phải bố trí lỗ thoát khói trên tum thang với diện tích tối thiểu bằng 10% diện tích phủ bì (tính cả tường bao che) của sàn buồng thang.”

Bổ sung vào cuối khoản 3.4.11 như sau:

“Được sử dụng thang bộ loại 3 làm thang thoát nạn trong các nhà có chiều cao PCCC từ trên 28 m đến 50 m với điều kiện phần thang bộ loại 3 từ trên 28 m phải được bảo vệ chống rơi ngã trên toàn bộ chiều cao các mặt thang hở ra ngoài trời.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 3.5.10 như sau:

“**3.5.10** Cho phép áp dụng các yêu cầu về an toàn cháy đối với vật liệu hoàn thiện, trang trí, vật liệu ốp lát, vật liệu phủ sàn và các tiêu chí thử nghiệm tương ứng theo các tài liệu chuẩn được phép áp dụng để thay thế cho các yêu cầu từ 3.5.1 đến 3.5.9 và Phụ lục B.

Trong trường hợp gian phòng chung hoặc đường thoát nạn có trang bị chữa cháy tự động thì yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy của vật liệu được giảm một cấp so với quy định trong phụ lục B.

Không yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy đối với các vật liệu hoàn thiện, trang trí, ốp lát, phủ sàn ở mặt ngoài cùng của tường, trần, sàn, khi các vật liệu này có tổng chiều dày không quá 1 mm và được đặt trên vật liệu nền là vật liệu không cháy.

Không yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy đối với các loại vật liệu hoàn thiện, trang trí, ốp lát ở mặt ngoài cùng của tường hoặc trần khi: (1) tổng diện tích các vật liệu này chiếm không quá 20 % diện tích tường hoặc trần mà chúng được gắn vào (đối với cao su, nhựa và các vật liệu trùng hợp tương tự - không quá 10 %); và (2) các bộ phận vật liệu này được phân bố tương đối rời rạc.

Trường hợp các gian phòng chung không đáp ứng được các yêu cầu về cấp nguy hiểm cháy của vật liệu thì các gian phòng đó phải đáp ứng các yêu cầu sau: (1) được lắp đặt báo cháy tự động; và (2) các kết cấu bao che của chúng phải là bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu là EI (hoặc EIW) 45 đối với nhà có bậc chịu lửa I, II, III và/hoặc chiều cao PCCC từ 28 m trở lên, EI (hoặc EIW) 30 đối với nhà có bậc chịu lửa I, II, III và chiều cao PCCC dưới 28 m, EI (hoặc EIW) 15 đối với nhà có bậc chịu lửa IV.”

4. NGĂN CHẶN CHÁY LAN

Bổ sung vào cuối điều 4.5 như sau:

“Đối với một tầng nhà (hoặc một phần tầng nhà đã được ngăn cách với phần còn lại theo quy định của quy chuẩn này) có từ hai công năng khác nhau trở lên, nếu không ngăn cách các công năng theo quy định tại quy chuẩn này thì các yêu cầu an toàn cháy đối với tầng nhà (hoặc phần tầng nhà) này phải lấy theo yêu cầu cao nhất giữa các công năng.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 4.32.2 như sau:

“**4.32.2** Cho phép không áp dụng các quy định tại 4.32.1 nếu nhà được trang bị chữa cháy tự động theo TCVN 3890 và TCVN 7336.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 4.33.4 như sau:

“**4.33.4** Cho phép không áp dụng các quy định tại 4.33.1 đến 4.33.3 đối với nhà từ ba tầng trở xuống hoặc chiều cao PCCC dưới 15 m, ga ra để xe nổi dạng hở, hoặc nhà được trang bị chữa cháy tự động theo TCVN 3890 và TCVN 7336.”

Sửa đổi điều 4.34 như sau:

Thay chữ “và” sau cụm từ “(quy định tại E.1 và E.2 trong Phụ lục E)” bằng chữ “hoặc”.

5. CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

Bổ sung khoản 5.1.5 như sau:

“**5.1.5** Ưu tiên sử dụng các giải pháp cấp nước chữa cháy có lợi về mặt kinh tế khi thiết kế công trình cụ thể, như: tận dụng hạ tầng cấp nước chữa cháy chung của khu vực; sử dụng các nguồn nước sẵn có

trong khu vực như ao, hồ, sông, ...; sử dụng bể cấp nước chung tại khu vực; sử dụng kết hợp nước sản xuất, sinh hoạt; ...có thể dẫn nước từ xa về qua các hố thu trung gian hoặc kết hợp các nguồn nước trên, với nguyên tắc là đảm bảo lượng nước cần thiết cung cấp cho việc chữa cháy.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 5.1.2.7 như sau:

“5.1.2.7 Các hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà của cơ sở (đường ống dẫn nước, trạm bơm, bồn, bể dự trữ nước chữa cháy) phải bảo đảm khả năng cấp nước như hồ sơ thiết kế.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 5.1.3.3 như sau:

“5.1.3.3 Thời gian chữa cháy phải lấy là 3 giờ, ngoại trừ những quy định riêng nêu dưới đây:

- Đối với nhà hạng nguy hiểm cháy nổ D, E và không có các gian phòng hạng C1-C4, cấp S0: lấy là 1 giờ; Đối với nhà hạng nguy hiểm cháy nổ D, E và có các gian phòng hạng C1-C4, cấp S0: lấy 1 giờ với các gian phòng hạng D, E và 2 giờ với các gian phòng hạng C1-C4.
- Đối với công trình nhà trẻ, trường mẫu giáo, mầm non, nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F4.1, F4.2, F4.3, có bậc chịu lửa I, II với kết cấu và lớp cách nhiệt làm từ vật liệu không cháy cao không quá 3 tầng, diện tích xây dựng đến 500 m²: lấy là 1 giờ, hoặc cho phép sử dụng hệ thống họng nước chữa cháy bên trong để thay thế cho hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.
- Đối với kho dạng hờ chứa vật liệu từ gỗ - không nhỏ hơn 5 giờ.”

Sửa đổi khoản 5.1.4.7 như sau:

Thay “200 m” bằng “hơn 400 m”.

Sửa đổi khoản 5.1.5.9 như sau:

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 1 như sau: “- Khi có xe bơm là 400 m”.
- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 4.

Sửa đổi khoản 5.1.5.10 như sau:

Thay thế cụm từ “3 m³ đến 5 m³” bằng cụm từ “trung gian”.

Bãi bỏ CHÚ THÍCH 1 và CHÚ THÍCH 2 của Bảng 8.

Bổ sung CHÚ THÍCH cho Bảng 9 như sau:

CHÚ THÍCH: Đối với các nhà gara để xe nổi, bậc I, II, III, IV và cấp S0, S1: khối tích đến 5 000 m³ – 10 L/s; trên 5000 m³ đến 20 000 m³ – 15 L/s; trên 20 000 m³ đến 50 000 m³ – 20 L/s; trên 50 000 m³ – 30 L/s. Đối với các nhà gara để xe nổi, bậc IV và cấp S2, S3: khối tích đến 5 000 m³ – 20 L/s; trên 5000 m³ đến 20 000 m³ – 25 L/s.

Sửa đổi CHÚ THÍCH của Bảng 10 như sau:

“CHÚ THÍCH 1: Lỗ mở trên mái là các lỗ mở để thông gió hoặc lấy sáng đặt trên kết cấu mái của nhà (nóc gió; lỗ thường xuyên mở; lỗ mở khi có cháy; ô kính; tôn sáng...) có diện tích không nhỏ hơn 2,5 % diện tích xây dựng của nhà đó.”

Bổ sung CHÚ THÍCH 2 cho Bảng 10 như sau:

CHÚ THÍCH 2: Không yêu cầu trang bị cấp nước chữa cháy ngoài nhà đối với nhà nhóm F5 có khối tích không lớn hơn 5.000 m³.

6. CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN

Bổ sung vào cuối điều 6.12 như sau:

“Trong trường hợp không thể đảm bảo yêu cầu này, thì tại mỗi tầng cần bố trí ít nhất 01 họng khô để cấp nước chữa cháy cho tầng đó, hoặc thang thoát nạn là thang loại 3.”

Bổ sung sau cụm từ “lớn hơn 7 m” trong điều 6.14 như sau:

“, nếu được thiết kế để lực lượng chữa cháy tiếp cận qua mái thì”.

Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 2, khoản 6.17.2 như sau:

“- Có ít nhất một lối thông với hành lang chính để thoát nạn hoặc thông trực tiếp với ngoài nhà;”.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bổ sung khoản 7.1.3 như sau:

7.1.3 Hồ sơ thiết kế xây dựng đã được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý hoặc thẩm duyệt.

Hồ sơ thiết kế xây dựng được góp ý hoặc thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kể từ thời điểm Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực thì phải tuân thủ các quy định của QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD.

Trường hợp hồ sơ thiết kế đã được góp ý về phòng cháy chữa cháy trước khi Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực thì thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy tiếp tục thực hiện theo hồ sơ thiết kế đã được góp ý, kể cả khi thời điểm thẩm duyệt sau khi Sửa đổi 1 – QCVN 06:2022/BXD có hiệu lực.

Sửa đổi điều 7.4 như sau:

“**7.4** Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP) để thay thế, sửa đổi hoặc bổ sung các quy định tại các phần 3, 4, 5, 6 và các phụ lục của quy chuẩn này, trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật liên quan về QCĐP và thẩm quyền quản lý về phòng cháy chữa cháy theo phân cấp.”

PHỤ LỤC A

(quy định)

QUY ĐỊNH BỔ SUNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ NHÓM NHÀ CỤ THỂ

Sửa đổi mục A.1.2.1 như sau:

“**A.1.2.1** Khi xác định số lượng tầng của nhà thì mỗi sàn công tác, sàn đỡ thiết bị và sàn lửng (sau đây gọi chung là sàn phụ) nằm ở cao độ bất kỳ có diện tích lớn hơn 40 % diện tích một tầng của nhà đó, phải được tính như một tầng.

Diện tích một tầng của nhà trong phạm vi một khoang cháy được xác định theo chu vi bên trong của tường bao của tầng, không tính diện tích buồng thang bộ. Nếu trong diện tích đó có các sàn phụ thì đối với nhà 1 tầng phải cộng thêm diện tích của tất cả các sàn này; còn đối với nhà nhiều tầng (hoặc phần nhà nhiều tầng) thì diện tích khoang cháy của mỗi tầng phải cộng thêm diện tích các sàn phụ nằm trong tầng đó. Diện tích cửa thềm (cầu) xếp dỡ phía ngoài dùng cho phương tiện vận tải đường bộ và đường sắt không được tính vào diện tích của tầng nhà trong phạm vi khoang cháy. Diện tích các gian phòng có chiều cao thông từ 2 tầng trở lên, trong phạm vi một nhà nhiều tầng (gian phòng thông 2 tầng hoặc nhiều tầng), được tính vào diện tích tổng cộng của nhà trong phạm vi một tầng.

Diện tích xây dựng được xác định theo chu vi ngoài của nhà ở cao độ chân tường, bao gồm cả các phần nhô ra, đường đi qua dưới nhà, các phần nhà không có kết cấu ngăn che bên ngoài.”

Bãi bỏ khổ thứ 2 của A.1.3.2.**Sửa đổi mục A.1.3.10 như sau:**

“**A.1.3.10** Kho cất giữ hàng có hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ C trên giá đỡ cao tầng phải được bố trí trong nhà 1 tầng có bậc chịu lửa I đến IV và cấp nguy hiểm cháy kết cấu của nhà S0. Trường hợp bố trí trong nhà nhiều tầng thì các giá đỡ cao tầng phải được bảo vệ bởi hệ thống chữa cháy tự động theo các tài liệu chuẩn được phép áp dụng, và phải đảm bảo tất cả người trong nhà có thể thoát nạn an toàn ra ngoài trong mọi trường hợp cháy.”

Bổ sung vào cuối mục A.2.4 như sau:

“Cho phép bố trí các gian phòng tập trung đông người ở chiều cao PCCC cao hơn quy định trên khi có tính toán thoát nạn cho người theo tài liệu chuẩn (ví dụ [5]) đảm bảo nguyên tắc người thoát nạn an toàn ra ngoài nhà trước khi bị các yếu tố nguy hiểm cháy tác động.”

Sửa đổi, bổ sung các mục A.2.12, A.2.14, A.2.20 như sau:

“**A.2.12** Phải bố trí thang máy chữa cháy trong các giếng thang riêng biệt, có sảnh thang máy độc lập. Trường hợp bố trí chung giếng thang và sảnh thang thì việc bảo vệ các giếng thang, sảnh thang chung này phải tuân thủ các yêu cầu tại A.2.24 như đối với thang máy chữa cháy.

Lối ra ngoài nhà từ tối thiểu một trong số các thang máy chữa cháy không được bố trí đi qua tiền sảnh chung của nhà.

Số lượng thang máy chữa cháy cho mỗi khoang cháy phải được tính toán đủ để khoảng cách từ vị trí các thang máy đó đến một điểm bất kỳ trên mặt bằng tầng mà nó phục vụ không vượt quá 45 m.”

“**A.2.14** Các hành lang phải được phân chia thành các khoang ngăn cách nhau bằng vách ngăn cháy loại 1 và cửa ngăn cháy loại 2 có cơ cấu tự đóng, hoặc bằng các vách ngăn khói, màn ngăn khói từ vật liệu không cháy có mép dưới cách sàn hành lang tối đa 2,5 m. Chiều dài mỗi khoang hành lang phải bảo đảm như sau:

- Đối với khối căn hộ: không quá 30 m.
- Đối với khối nhà không phải là căn hộ: không quá 60 m.”

“**A.2.20** Nhà có chiều cao PCCC trên 100 m phải bố trí các khu vực lánh nạn tạm thời theo A.3.2.”

Bãi bỏ mục A.3.1.16, e.**Sửa đổi khổ đầu tiên và a) của mục A.3.2.1 như sau:**

“**A.3.2.1** Đối với nhà có chiều cao PCCC từ trên 100 m đến 150 m, ngoài việc tuân thủ các quy định tại A.3.1, phải bố trí các khu vực lánh nạn tạm thời theo A.3.2.1 hoặc A.3.2.2, hoặc kết hợp hai phương án. Giải pháp thiết kế phải đảm bảo thoát nạn kịp thời và thông suốt cho mọi người ra ngoài hoặc vào những khu vực lánh nạn tạm thời (bao gồm vùng an toàn bố trí tại tất cả các tầng và/hoặc gian lánh nạn thuộc tầng lánh nạn) phù hợp với phương án tổ chức thoát nạn cho nhà khi có cháy.

Nếu lựa chọn khu vực lánh nạn tạm thời là các tầng lánh nạn, gian lánh nạn thì phải đáp ứng những yêu cầu sau đây:

a) Tầng lánh nạn cách nhau không quá 20 tầng, tầng lánh nạn đầu tiên được bố trí không cao quá tầng thứ 21. Khu vực bố trí gian lánh nạn phải được ngăn cách với các khu vực khác bằng bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 150. Các khu vực khác ngoài khu vực bố trí gian lánh nạn có thể sử dụng cho các công năng công cộng hoặc bố trí căn hộ với điều kiện đảm bảo các yêu cầu về

thoát nạn đối với các khu vực này;

CHÚ THÍCH: Có thể sử dụng tầng kỹ thuật hoặc một phần tầng kỹ thuật làm khu vực lánh nạn khi đáp ứng các quy định tại các đoạn b), c), d), e), f).”

Bổ sung mục A.3.2.2 như sau:

“**A.3.2.2** Nếu lựa chọn khu vực lánh nạn tạm thời là các vùng an toàn thì phải tuân thủ các quy định dưới đây:

a) Vùng an toàn được phân thành 4 loại sau:

Loại 1: là gian phòng được ngăn cách với các khu vực khác bằng kết cấu bao che có giới hạn chịu lửa bằng giới hạn chịu lửa của tường trong cửa buồng thang bộ tương ứng với bậc chịu lửa của nhà (không xét chỉ tiêu R nếu các kết cấu bao che này không phải kết cấu chịu lực) và các bộ phận chèn bịt lỗ mở có giới hạn chịu lửa tối thiểu EI 60 (hoặc EIW 60) kín khói, được tạo áp suất không khí dương khi có cháy trong gian phòng hoặc trong khoang đệm ngăn cháy ở lối vào của gian phòng này, hoặc lối vào gian phòng đi qua một vùng đệm không khí không nhiễm khói theo các đường đi chuyển tiếp hồ (tương tự lối vào buồng thang bộ N1).

Lối ra thoát nạn từ vùng an toàn loại 1 phải dẫn vào sảnh thang máy được bảo vệ như khoang đệm ngăn cháy loại 1, hoặc vào buồng thang bộ thoát nạn, hoặc kết hợp các phương án trên (có thể đi qua các hành lang an toàn được bảo vệ như hành lang thoát nạn của nhà, hoặc đi qua các vùng đệm không khí không nhiễm khói).

Loại 2: là vùng đặt ở trên mái có khai thác sử dụng với lối ra mái phải đi qua khoang đệm ngăn cháy loại 1.

Loại 3: là một khoang cháy hoặc một phân khoang cháy, có đường thoát nạn độc lập được bảo vệ bằng vách ngăn cháy loại 1 và sàn ngăn cháy loại 3.

Loại 4: là buồng thang bộ.

b) Vùng an toàn loại 4 chỉ được sử dụng cho các nhà nhóm F1.3. Các nhà thuộc các nhóm công năng khác được lựa chọn loại 1, 2, hoặc 3, hoặc kết hợp.

c) Vùng an toàn phải được bố trí trên tất cả các tầng của nhà (trừ tầng có lối ra ngoài trực tiếp) hoặc bố trí cách một số tầng, đồng thời phải đảm bảo tiếp cận được cho người khuyết tật và những người có khả năng di chuyển hạn chế khác cần phải sử dụng xe lăn.

d) Diện tích vùng an toàn tính cho một tầng nhà phải tính toán căn cứ vào số lượng người cần được bố trí lánh nạn tùy theo công năng của phần nhà đó và định mức diện tích sàn cho mỗi người, có bao gồm diện tích sàn cho người sử dụng xe lăn. Cụ thể như sau:

- Định mức diện tích sàn đối với người sử dụng xe lăn: số lượng lấy theo hồ sơ thiết kế, nhưng không ít hơn 01 người cho một tầng nhà; diện tích cần thiết cho 01 người sử dụng xe lăn là 2,65 m²;

- Định mức diện tích sàn 0,3 m²/người phụ thuộc vào tổng số người sử dụng tầng nhà theo từng công năng được xác định như sau:

+ F1.1 (các cơ sở mẫu giáo, mầm non) – lấy bằng 80 %;

+ F1.2 (khách sạn) – lấy bằng 20 %;

+ F1.3 (chung cư) – lấy bằng 35 %;

+ F2.2 (nhà hát, rạp chiếu phim) – lấy bằng 60 %;

+ F3.4 (cơ sở khám bệnh đa khoa và điều trị ngoại trú) – lấy bằng 70 %;

+ Nhà công cộng khác, có thể có trẻ nhỏ – lấy bằng 35 %;

+ Nhà công cộng khác, không có trẻ nhỏ – lấy bằng 10 %.

e) Nếu vùng an toàn là gian phòng riêng, được sử dụng các công năng khác trong vùng an toàn như đối với gian lánh nạn quy định tại A.3.2.1, b), nhưng phải đảm bảo đủ diện tích trống như định mức quy định.

f) Mỗi vùng an toàn phải được lắp đặt chiếu sáng sự cố, có thiết bị liên lạc hai chiều với phòng trực điều khiển chống cháy, hoặc phòng trực có người trực 24/24 của nhà.”

Bãi bỏ Phụ lục A.4.

PHỤ LỤC C

(quy định)

HẠNG NGUY HIỂM CHÁY VÀ CHÁY NỔ CỦA NHÀ, CÔNG TRÌNH VÀ CÁC GIAN PHÒNG CÓ CÔNG NĂNG SẢN XUẤT VÀ KHO

Sửa đổi, bổ sung mục C.3.1 như sau:

“**C.3.1** Phương pháp xác định các dấu hiệu để xếp nhà, công trình và gian phòng có công năng sản xuất và kho vào các hạng theo tính nguy hiểm cháy và cháy nổ được quy định trong các tiêu chuẩn, có thể áp dụng [7] và các tài liệu hướng dẫn liên quan để thực hiện.

Các thông số của chất cháy trong nhà và gian phòng có thể tham khảo trong các tài liệu chuẩn [3, 4, 5, 6, 7, 8] hoặc các tài liệu chuẩn khác.”

Sửa đổi mục C.3.2 (khở đầu) như sau:

“**C.3.2** Khi không có các tính toán cụ thể để phân hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ theo tiêu chuẩn, có thể tham khảo hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của một số nhà và gian phòng thuộc các phân xưởng, nhà kho, bộ phận sản xuất như sau:”

Sửa đổi, bổ sung mục C.3.2.2 như sau:

“**C.3.2.2 Hạng B**

- Phân xưởng sản xuất và vận chuyển than cám, mùn cưa, những trạm tẩy rửa các thùng dầu madút và các chất lỏng khác có nhiệt độ bùng cháy ở thể hơi từ 28 °C đến 61 °C;
- Gian nghiền và xay cán chất rắn có tạo ra các bụi cháy được và có khả năng tạo thành các hỗn hợp nguy hiểm nổ (theo bảng C.1) khi có sự cố, phân xưởng chế biến cao su nhân tạo, phân xưởng sản xuất đường, những kho chứa dầu madút của nhà máy điện, những trạm bơm chất lỏng có nhiệt độ bùng cháy ở thể hơi từ 28 °C đến 61 °C.”

PHỤ LỤC D

(quy định)

BẢO VỆ CHỐNG KHÓI

Bổ sung vào cuối mục D.1.1 như sau:

“Khi không có các yêu cầu cụ thể về các điều kiện cần thiết cho lực lượng chữa cháy và không có yêu cầu về bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy, thì việc thiết kế bảo vệ chống khói của nhà cần đảm bảo mục tiêu tối thiểu là an toàn cho người thoát nạn ra ngoài.”

Sửa đổi mục D.1.2 như sau:

Bổ sung vào sau cụm từ “không thấp hơn 2 m”: “(hoặc lấy theo giá trị quy định trong tài liệu chuẩn áp dụng)”.

Sửa đổi khổ đầu tiên của mục D.1.3 như sau:

“D.1.3 Các thiết bị của hệ thống hút xả khói và cấp không khí chống khói, không phụ thuộc vào cơ chế hoạt động (tự nhiên hoặc cưỡng bức), phải luôn đảm bảo hoạt động đúng thiết kế khi có cháy.”

Sửa đổi khổ đầu tiên của mục D.1.5 như sau:

“D.1.5 Hệ thống thông gió thoát khói phải hoạt động độc lập cho từng khoang cháy, ngoại trừ:”

Sửa đổi mục D.1.7 như sau:

“D.1.7 Cho phép thay đổi các yêu cầu trong Phụ lục D này trên cơ sở có thiết kế bảo vệ chống khói phù hợp với tiêu chuẩn được phép áp dụng và thỏa mãn yêu cầu tại D.1.1.”

Sửa đổi, bổ sung mục D.2 (khổ đầu) và D.2, f như sau:

“D.2 Việc thoát khói khi có cháy phải được thực hiện từ các khu vực sau:

f) Từ các gian phòng có người làm việc thường xuyên, phục vụ sản xuất hoặc kho, bao gồm cả nơi bảo quản lưu trữ sách, tài liệu, hiện vật, xưởng phục chế của bảo tàng (đối với gian phòng lưu trữ dạng kệ thì không phụ thuộc vào việc có người làm việc thường xuyên), nếu các gian phòng này thuộc hạng A, B, C1 đến C3 trong nhà bậc chịu lửa I đến IV, C4 trong nhà bậc chịu lửa IV;”

Sửa đổi khổ thứ 1 và khổ thứ 2 của mục D.8 như sau:

“D.8 Để thoát khói trực tiếp cho các gian phòng và hành lang của nhà một tầng có thể áp dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên (thoát khói tự nhiên), hoặc theo cơ chế cưỡng bức.

CHÚ THÍCH 1: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức là hệ thống hút xả khói, trong đó lực hút khói ra ngoài được tạo ra và duy trì bởi quạt hút.

CHÚ THÍCH 2: Hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên là hệ thống hút xả khói, trong đó khói tự thoát ra ngoài nhà qua các lỗ mở trên kết cấu bao che của nhà theo các định luật vật lý tự nhiên.

Trong các nhà nhiều tầng cần sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế cưỡng bức, hoặc có thể sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên nếu tính toán thoát khói cho phép, nhưng phải thỏa mãn yêu cầu tại D.1.1. Cho phép sử dụng hệ thống hút xả khói theo cơ chế tự nhiên đối với tầng trên cùng của nhà nhiều tầng, thông qua van khói, cửa nắp hút khói, hoặc các cửa trời mở, cửa chớp mở và không đón gió vào.”

Sửa đổi khổ đầu tiên của mục D.9, b) như sau:

“b) Các đường ống và kênh dẫn nếu có yêu cầu về giới hạn chịu lửa thì phải được chế tạo từ vật liệu không cháy (bao gồm cả các lớp bọc phủ cách nhiệt và bảo vệ chịu lửa của ống), với giới hạn chịu lửa không thấp hơn:”.

Sửa đổi khổ đầu tiên và điểm a) của mục D.14.5 như sau:

“D.14.5 Để bù lại khối tích khói đã bị hút ra khỏi gian phòng bởi hệ thống hút xả khói, phải thiết kế cấp không khí vào theo cơ chế tự nhiên hoặc cưỡng bức:

a) Không khí theo cơ chế tự nhiên: sử dụng các ô cửa, cửa sổ, hoặc lỗ mở khác thông với không khí bên ngoài (mở khi có cháy). Các ô cửa, cửa sổ, lỗ mở phải được bố trí ở phần dưới của gian phòng được bảo vệ. Tổng diện tích thông khí của các lỗ mở (phần ô cửa, cửa sổ, lỗ mở nằm dưới biên dưới

cửa tầng khói) phải được xác định phù hợp với D.4 và đáp ứng yêu cầu vận tốc dòng khí đi qua các lỗ cửa không vượt quá 6 m/s (không yêu cầu vận tốc này đối với các lỗ mở để bù không khí mà con người không thoát nạn qua đó);”

PHỤ LỤC E

(quy định)

KHOẢNG CÁCH PHÒNG CHÁY CHỐNG CHÁY

Sửa đổi, bổ sung chú thích 6 Bảng E.1 như sau:

“CHÚ THÍCH 6: Không quy định khoảng cách giữa các nhà và công trình công cộng khi tổng diện tích đất xây dựng (gồm cả diện tích đất không xây dựng giữa chúng) không vượt quá diện tích tầng cho phép lớn nhất trong phạm vi của một khoang cháy (xem Phụ lục H). Trong trường hợp nhà thuộc nhóm F1.1, F4.1 thì không được bố trí các phòng kho, bếp ăn tại khu vực tiếp giáp giữa hai nhà.

Diện tích đất không xây dựng giữa hai nhà là diện tích hình chiếu bằng giới hạn bởi hai tường bao đối diện của hai nhà và các đường nối hai mép biên của hai nhà.

Chú thích này không áp dụng cho các cơ sở kinh doanh khí cháy, chất lỏng cháy và chất lỏng dễ bắt cháy, cũng như các chất và vật liệu có khả năng nổ và cháy khi tác dụng với nước, ô xi trong không khí hoặc giữa chúng với nhau.”

Sửa đổi tên phụ lục E.3 như sau:

“E.3 Khoảng cách phòng cháy chống cháy xác định theo đường ranh giới”

Sửa đổi, bổ sung mục E.3.1 như sau:

“E.3.1 Khoảng cách phòng cháy chống cháy theo đường ranh giới được quy định trong phần này được xác định tương ứng với tỉ lệ diện tích tường ngoài không được bảo vệ chống cháy và giới hạn chịu lửa của tường ngoài.”

Sửa đổi mục E.3.2 như sau:

Bổ sung đoạn sau vào sau cụm từ “vuông góc 90° từ tường ngoài nhà”: “(hoặc từ mép ngoài của bộ phận cháy được gần nhất trong nhà, bao gồm cả nội thất)”.

Sửa đổi mục E.3.3 như sau:

“E.3.3 Tỷ lệ tổng diện tích lớn nhất của các lỗ mở không được bảo vệ chống cháy so với tổng diện tích bề mặt tường đối diện với đường ranh giới được xác định theo các bảng E.4a và E.4b. Giới hạn chịu lửa của phần tường được bảo vệ chống cháy được quy định tại Bảng E.3. Khi tường ngoài có yêu cầu về giới hạn chịu lửa theo bảng E.3 thì tổng diện tích các lỗ mở không được bảo vệ chống cháy không được vượt quá các giá trị cho phép tại bảng E.4a hoặc E.4b. Khi tường ngoài không có yêu cầu về giới hạn chịu lửa theo bảng E.3 thì diện tích các lỗ mở không cần tuân thủ bảng E.4a hoặc E.4b.

Cho phép nhân đôi diện tích lỗ mở không được bảo vệ chống cháy nếu nhà đang xét được trang bị chữa cháy tự động theo TCVN 3890 và TCVN 7336.

CHÚ THÍCH: Trong mọi trường hợp, phải tuân thủ cả yêu cầu chống cháy lan theo mặt ngoài nhà tại 4.32, 4.33.”

PHỤ LỤC G

(quy định)

**KHOẢNG CÁCH ĐẾN CÁC LỐI RA THOÁT NẠN
VÀ CHIỀU RỘNG LỐI RA THOÁT NẠN**

Bãi bỏ chú thích của mục G.1.2.1.

PHỤ LỤC H

(quy định)

**BẬC CHỊU LỬA VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO ĐẢM AN TOÀN CHÁY
CHO NHÀ, CÔNG TRÌNH, KHOANG CHÁY**

Sửa đổi H.2.4.4 như sau:

“**H.2.4.4** Trên tầng 3 của nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non cho phép bố trí các phòng dành cho lớp lớn, phòng học nhạc và thể chất, phòng chơi, phòng phục vụ. Khi đó các phòng có diện tích lớn hơn 50 m² thì phải có một trong các lối ra thoát nạn dẫn trực tiếp vào thang bộ thoát nạn.”

Sửa đổi CHÚ THÍCH bảng H.6 như sau:

“CHÚ THÍCH: Số tầng nhà được xác định bằng số các tầng trên mặt đất, không tính tầng kỹ thuật trên cùng. Đối với trường trung học cơ sở và trung học phổ thông hoặc tương đương, chiều cao PCCC lớn nhất cho phép của nhà được lấy đến 21 m (7 tầng) nếu nhà có tối thiểu hai thang thoát nạn đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn này.”

Sửa đổi, bổ sung mục H.2.9.1 như sau:

“**H.2.9.1** Nhà bệnh viện (nhóm F1.1) cần được bố trí trong các nhà đứng độc lập hoặc trong khoang cháy riêng với chiều cao PCCC không quá 28 m (hoặc 9 tầng).

Trường hợp bố trí các công năng bệnh viện (F1.1) vượt quá chiều cao PCCC 28 m (hoặc 09 tầng, nhưng tối đa 50 m), phải tuân thủ đồng thời các điều kiện bổ sung sau:

- Bậc chịu lửa của nhà là bậc I;
- Chiều cao PCCC tối đa cho phép của nhà phải đảm bảo khả năng có thể cứu nạn từ trên cao thông qua các lối vào từ trên cao, và không vượt quá chiều cao làm việc tối đa của xe thang của lực lượng cảnh sát PCCC&CNCH tại địa phương;
- Bề rộng thông thủy của thang thoát nạn tối thiểu 1,35 m;
- Vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn phải đảm bảo không nguy hiểm hơn CV1;
- Chiều rộng thông thủy của cửa thoát nạn từ mỗi tầng và trên đường thoát nạn (nếu có) không nhỏ hơn 1,2 m, với định mức người cần thoát nạn qua cửa này tối đa là 72 người. Số lượng người tối đa trên một tầng nhà lấy theo thiết kế, nếu bệnh viện cho phép bệnh nhân có người chăm sóc thì mỗi bệnh nhân phải tính thêm ít nhất 01 người chăm sóc;
- Có tối thiểu 2 thang máy chữa cháy có thể phục vụ việc cứu nạn cho bệnh nhân nằm trên giường bệnh với kích thước thông thủy của buồng thang máy đủ để chứa giường bệnh;
- Mỗi tầng nhà phải có hòng khô với số lượng, vị trí, kích thước và lắp đặt theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng;
- Mỗi tầng nhà có công năng thuộc nhóm F1.1 với chiều cao PCCC trên 28 m phải có vùng an toàn đáp ứng yêu cầu như tại A.3.3 với định mức 2,8 m²/bệnh nhân. Có thể ngăn chia tầng thành tối thiểu hai khoang cháy và cho phép lánh nạn tạm thời trong khoang cháy còn lại nếu một khoang cháy có đám cháy. Mỗi khoang cháy phải tiếp cận trực tiếp được qua lối vào từ trên cao, và phải có đường thoát nạn dẫn vào buồng thang bộ mà không cần qua khoang cháy còn lại.”

Sửa đổi, bổ sung mục H.2.10.1 như sau:

“**H.2.10.1** Chiều cao PCCC của nhà khám bệnh đa khoa ngoại trú (nhóm F3.4) tối đa 28 m (hoặc 9 tầng). Bậc chịu lửa của nhà từ 2 tầng trở lên không được thấp hơn bậc II, cấp nguy hiểm cháy kết cấu không thấp hơn S0.

Trường hợp bố trí các công năng đa khoa ngoại trú (F3.4) vượt quá chiều cao PCCC 28 m (hoặc 9 tầng), phải tuân thủ đồng thời các điều kiện bổ sung sau:

- Bậc chịu lửa của nhà là bậc I;
- Nếu các tầng nhà có công năng đa khoa ngoại trú nhóm F3.4 với chiều cao PCCC trên 28 m (hoặc 9 tầng) phục vụ các bệnh nhân với khả năng di chuyển hạn chế, thì chiều cao PCCC tối đa cho phép của nhà phải đảm bảo khả năng có thể cứu nạn từ trên cao thông qua các lối vào từ trên cao, và không vượt quá chiều cao làm việc tối đa của xe thang của lực lượng cảnh sát PCCC&CNCH tại địa phương;
- Bề rộng thông thủy của thang thoát nạn tối thiểu 1,35 m;
- Vật liệu hoàn thiện trên đường thoát nạn phải đảm bảo không nguy hiểm hơn CV1;
- Chiều rộng thông thủy của bản thang thoát nạn lấy theo 3.4.1, nhưng không nhỏ hơn 1 m;
- Có tối thiểu 2 thang máy chữa cháy, trong đó có ít nhất 01 thang có thể phục vụ việc cứu nạn.
- Mỗi tầng nhà có công năng đa khoa ngoại trú thuộc nhóm F3.4 với chiều cao PCCC trên 28 m phải có vùng an toàn đáp ứng yêu cầu như tại A.3.3 với định mức 2,65 m²/một bệnh nhân di chuyển bằng xe lăn có người hỗ trợ, 0,75 m²/một bệnh nhân tự di chuyển với công cụ hỗ trợ, và 0,5 m²/một bệnh nhân có thể tự di chuyển không cần công cụ hỗ trợ (số lượng các bệnh nhân nêu trên lấy theo hồ sơ thiết kế, hoặc có thể tham khảo từ [5] tương ứng với loại hình khám bệnh). Có thể ngăn chia tầng thành tối thiểu hai khoang cháy và cho phép lánh nạn tạm thời trong khoang cháy còn lại nếu một khoang cháy có đám cháy. Mỗi khoang cháy phải tiếp cận trực tiếp được qua lối vào từ trên cao, và phải có đường thoát nạn dẫn vào buồng thang bộ mà không cần qua khoang cháy còn lại.”

Sửa lỗi chính tả mục H.4.1 như sau:

Sửa đổi mục viện dẫn A.2.1 thành A.1.2.

Sửa đổi mục H.5.2 như sau:

“**H.5.2** Đối với các nhà kho có các sàn phụ thì số tầng và diện tích tầng trong phạm vi một khoang cháy xác định tương tự như nhà sản xuất đã được quy định tại H.4.1. Khi có các lỗ mở trên sàn giữa các tầng thì tổng diện tích các tầng này không được vượt quá giá trị quy định tại Bảng H.11.”

Sửa đổi, bổ sung Bảng H.9 như sau:

- Sửa đổi cột 7; Hạng C, hàng thứ 4, thứ 5 từ trên xuống lần lượt: “1400⁵⁾”, “1100⁵⁾”.
- Sửa đổi³⁾ như sau: “³⁾ Dành cho nhà sản xuất chế biến gỗ. Đối với nhà sản xuất chế biến gỗ bậc IV, diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy và chiều cao lớn nhất cho phép của nhà lấy theo bảng H.11 như nhà hạng B, bậc chịu lửa IV.”
- Sửa đổi⁴⁾ như sau: “⁴⁾ Dành cho các nhà hạng C, các xưởng cửa (xẻ) có tối đa 4 khung nhà, các xưởng sản xuất chế biến gỗ sơ bộ và các trạm nghiền (băm) gỗ.”
- Bổ sung⁵⁾ như sau: “⁵⁾ Tối đa 3 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m), và phải trang bị chữa cháy tự động.”
- Sửa đổi CHÚ THÍCH như sau: “CHÚ THÍCH: Dấu “-”: cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác.”

Sửa đổi, bổ sung Bảng H.10 như sau:

- Sửa đổi cột 7; Hạng C, hàng thứ 3, thứ 4 từ trên xuống lần lượt: “1400²⁾”, “1100²⁾”.
- Bổ sung²⁾ như sau: “²⁾ Tối đa 3 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m), và phải trang bị chữa cháy tự động.”
- Sửa đổi CHÚ THÍCH như sau: “CHÚ THÍCH: Dấu “-”: cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác.”

Sửa đổi, bổ sung Bảng H.11 như sau:

- Sửa đổi cột 6; Hàng C, hàng thứ 3, thứ 4 từ trên xuống lần lượt: “1600”, “1600”.
- Sửa đổi cột 7; Hàng C, hàng thứ 3, thứ 4 từ trên xuống lần lượt: “1600³⁾”, “1600³⁾”.
- Sửa đổi cột 6; Hàng E, hàng thứ 3, thứ 4 từ trên xuống lần lượt: “2400”, “2400”.
- Sửa đổi cột 7; Hàng E, hàng thứ 3, thứ 4 từ trên xuống lần lượt: “2400⁴⁾”, “2400⁴⁾”.
- Bổ sung³⁾ và⁴⁾ như sau:

“³⁾Tối đa 4 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m). Trong trường hợp nhà kho 4 tầng thì phải có chữa cháy tự động.”

“⁴⁾Tối đa 4 tầng (chiều cao nhà được phép đến 22 m).”

- Sửa đổi CHÚ THÍCH 1 như sau: “CHÚ THÍCH 1: Dấu “-”: cho phép áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác.”

- Bổ sung CHÚ THÍCH 3 như sau: “CHÚ THÍCH 3: Đối với các nhà gara để xe phụ trợ cho các nhà và công trình khác bậc IV và từ 02 tầng trở lên, trong trường hợp Chủ công trình/cơ sở không có yêu cầu về hạn chế thiệt hại đối với các xe trong gara, cho phép không bảo vệ chịu lửa các sàn tầng với điều kiện các thang thoát nạn từ các tầng trên được bố trí sát biên nhà.”

Bổ sung mục H.7 như sau:

“H.7 Các yêu cầu an toàn cháy bổ sung trong một số trường hợp khác

H.7.1 Trong trường hợp phần nhà có công năng xác định (và các công năng phụ trợ cho công năng chính) được ngăn cách thành một khoang cháy riêng thì các yêu cầu của phụ lục H được áp dụng cho phần nhà (khoang cháy) đó. Các công năng độc lập khác được phép bố trí ở các phần nhà phía trên khoang cháy này, khi thỏa mãn các điều kiện tại phụ lục H đối với công năng đó.

H.7.2 Trong trường hợp nhà có số tầng (chiều cao) và diện tích không được quy định cụ thể hoặc bị giới hạn trong phụ lục H, có thể áp dụng đồng bộ tiêu chuẩn NFPA 5000 phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác để xác định chiều cao và diện tích lớn nhất cho phép của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy tương ứng với giới hạn chịu lửa của các kết cấu, cấu kiện nhà và các điều kiện khác (trong đó phải bao gồm các điều kiện liên quan đến thoát nạn cho người); hoặc áp dụng thiết kế theo công năng, trên nguyên tắc phải đảm bảo yêu cầu tối thiểu là thoát nạn an toàn cho người ở trong nhà và chống cháy lan sang nhà khác.”

Bổ sung thư mục tài liệu tham khảo sau phụ lục I:

“TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] NFPA 101 Life safety code, 15th edition. National fire protection association, 2021 (*NFPA 101 Quy chuẩn an toàn sinh mạng, phiên bản thứ 15. Hiệp hội an toàn cháy quốc gia, 2021*).

[2] NFPA 5000 Building construction and safety code. National fire protection association, 2021 (*NFPA 5000 Quy chuẩn về công trình xây dựng và an toàn. Hiệp hội an toàn cháy quốc gia, 2021*).

[3] NFPA Fire protection handbook, 21st edition. National fire protection association (*NFPA Sổ tay an toàn cháy, phiên bản thứ 21. Hiệp hội an toàn cháy quốc gia*).

[4] SFPE Handbook of Fire Protection Engineering, 5th edition. Morgan J. Hurley, Editor-in-Chief (*SFPE Sổ tay kỹ thuật an toàn cháy, phiên bản thứ 5. Chủ biên Morgan J. Hurley*).

[5] Методика определения расчетных величин пожарного риска в зданиях, сооружениях и строениях различных классов функциональной пожарной опасности. МЧС России, 2022 (*Hướng dẫn xác định các giá trị tính toán của rủi ro cháy đối với nhà, công trình có các nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác nhau. Bộ các tình trạng khẩn cấp Liên bang Nga, 2022*).

[6] Методика определения расчетных величин пожарного риска на производственных объектах. МЧС России, 2011 (*Hướng dẫn xác định các giá trị tính toán của rủi ro cháy đối với các cơ sở công nghiệp. Bộ các tình trạng khẩn cấp Liên bang Nga, 2011*).

[7] СП 12.13330.2009 (с Изменения N 1). Определение категорий помещений, зданий и наружных установок по взрывопожарной и пожарной опасности. МЧС России, 2010 (*SP 12.13330.2009 (cùng Sửa đổi 1) Xác định hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ của gian phòng, nhà và các trạm thiết bị ngoài nhà. Bộ các tình trạng khẩn cấp Liên bang Nga, 2010*).

[8] СИТИС-СПН-1 ПОЖАРНАЯ НАГРУЗКА. СПРАВОЧНИК, 2014 (*SITIS-SPN-1 Tải trọng cháy. Sổ tay, 2014.*)

DRAFT